TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1162/2020/HNGD-ST
Ngày: 14 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Thị Chí
2/ Ông Phan Minh Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Th Nguyên – *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 990/2020/TLST- HN ngày 11 tháng 8 năm 2020 về: "Tranh chấp ly hôn" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2020/GĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số T đường B, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Thiện D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A đường S, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:

Bà và ông Hồ Thiện D tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh từ khi kết hôn với ông D vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, lúc đầu tôi có góp ý cho ông D mong ông D sẽ thay đổi, nhưng mỗi lần như vậy ông D đều không lắng nghe tôi nói. Lâu dần tôi không còn kiên nhẫn, nên tôi cảm thấy áp lực và mệt mỏi trong đời sống chung của vợ chồng. Đến khi tôi sinh con mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau và bất đồng trong cách giáo dục con, nhiều lần tôi cũng muốn làm đơn ly hôn, nhưng bản thân tôi cũng muốn cho chồng tôi cơ hội để thay đổi và cũng muốn cho con có gia đình cả cha và mẹ, nhưng vợ chồng sống chung cứ lục đục, không tôn trọng nhau chồng làm gì cũng chỉ bàn bạc với gia đình chồng không nói với tôi, cũng không bàn bạc với tôi. Không quan tâm vợ con, không quan tâm, không tôn trọng tới gia đình bên ngoại, ngoài ra tôi còn có mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên tôi đã dọn ra khỏi nhà ông D và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, tôi đã suy nghĩ rất nhiều mới nộp đơn ly hôn ra tòa, tôi yêu cầu Tòa án không hòa giải mà tiến hành cho tôi ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có có 01 con chung tên là Hồ M, sinh ngày 22/10/2015 tôi nuôi con, tôi không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông D trình bày: Ông và bà Th tự nguyện kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi không đồng ý ly hôn. Khoảng từ cuối tháng 7/2020 vợ chồng đã ly thân, vợ tôi đã dọn ra ngoài sống. Vợ chồng tôi cũng có mâu thuẫn nhưng tôi thấy không đến mức nghiêm trọng. Ông không muốn phá vỡ hạnh phúc gia đình ông xin bà Th cho cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ. Bà Th xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Hồ M, sinh ngày 22/10/2015 nếu vợ cương quyết ly hôn, tôi đồng ý giao con cho vợ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con như những lần hoà giải tại Tòa vợ không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con là quyền của vợ, nhưng tôi vẫn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2020.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Bà Trần Thị Ngọc Th xin ly hôn với ông Hồ Thiện D là có căn cứ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Hồ M, sinh ngày 22/10/2015 nếu vợ cương quyết ly hôn, giao con cho bà Th nuôi ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc Th đối với ông Hồ Thiện D là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Ông D hiện có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại địa chỉ 86/5/15 đường số 27, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 98, quyển số 01/2013, ngày 09/10/2013 do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc Th với ông Hồ Thiện D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của Th xét thấy trong thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà Th đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn kéo dài, ông D, bà Th đã ly thân bà Th đã dọn nhà đi thuê nhà ở riêng. Nay bà Th muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Gò Vấp, Hội liên hiệp phụ nữ Phường 6, quận Gò Vấp xác nhận không xác minh được thông tin về nguyên nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài, nhưng ông D không chia sẻ, không giải quyết được những bất đồng của vợ chồng. Bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà Th cương quyết ly hôn, bà trình bày rằng cho dù Tòa án có cho về đoàn tụ bà cũng không thể quay về sống chung

được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa, hiện vợ chồng đã sống ly thân; Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc Th đối với ông Hồ Thiện D.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Hồ M, sinh ngày 22/10/2015 bà Th xin nuôi con, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Phía ông D trình bày nếu vợ cương quyết ly hôn, ông D đồng ý giao con cho bà Th nuôi dưỡng. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà Th đồng ý nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông D.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên Tòa án không xem xét.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về yêu cầu xin ly hôn, con chung của bà Th có căn cứ chấp nhận. Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên không xét.

Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Do ông Hồ Thiện D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Hồ Thiện D (Giấy chứng nhận kết hôn số: 98, quyển số 01/2013, ngày 09/10/2013 do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị).

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hồ M, sinh ngày 22/10/2015 giao cho bà Th nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

3.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã đóng tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026754 ngày 11/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông D phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND P.6, Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình